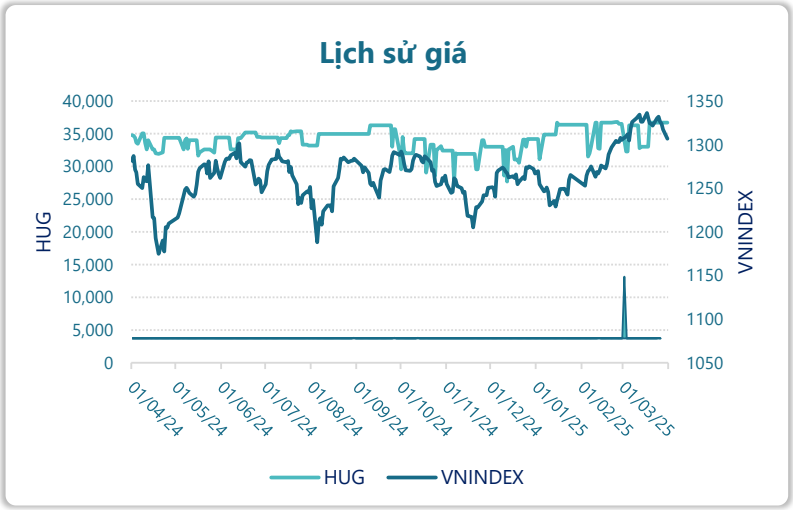
FireAnt

Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP (UPCOM: HUG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,595
SL cổ phiếu LH	19,511,389
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	716
P/E	10.4
EPS	3,538

DT thuần

Q1/25

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 18.8%

YoY: ▲ 21.0| 12.4%

LN sau thuế

Q1/25

16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.60| -21.5%

YoY: ▲ 5.80| 53.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

678

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0| -5.3%

LN sau thuế

2024

64.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.20| -12.5%

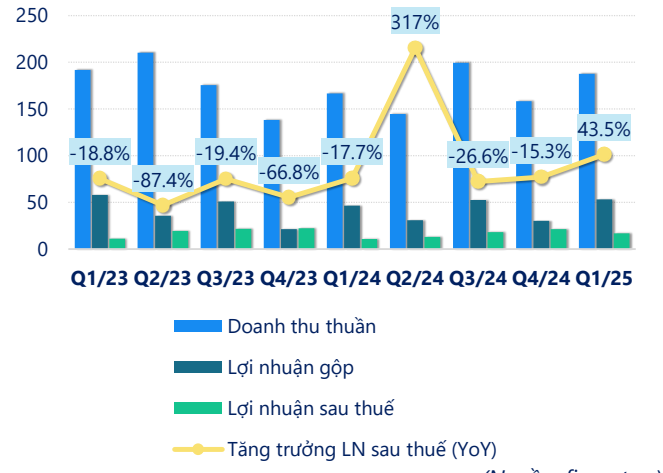
ROE

2024

21.8%

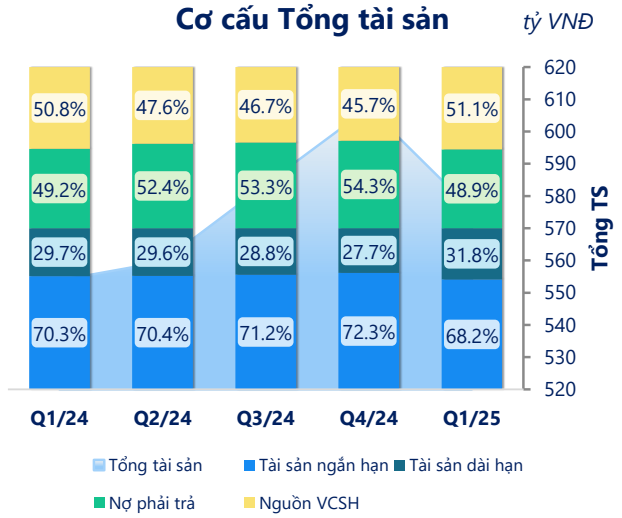
+/- YoY: ▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh



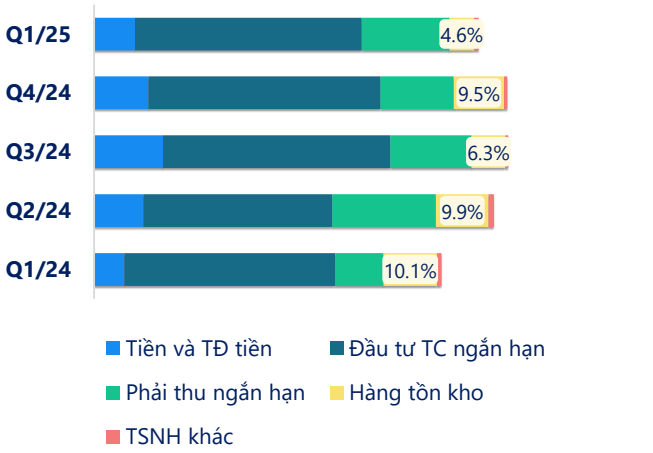
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



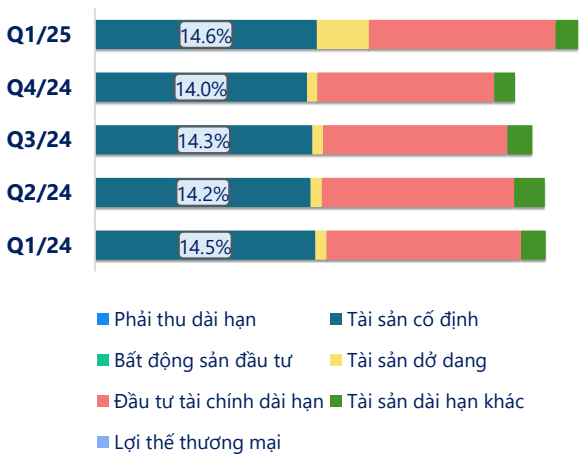
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



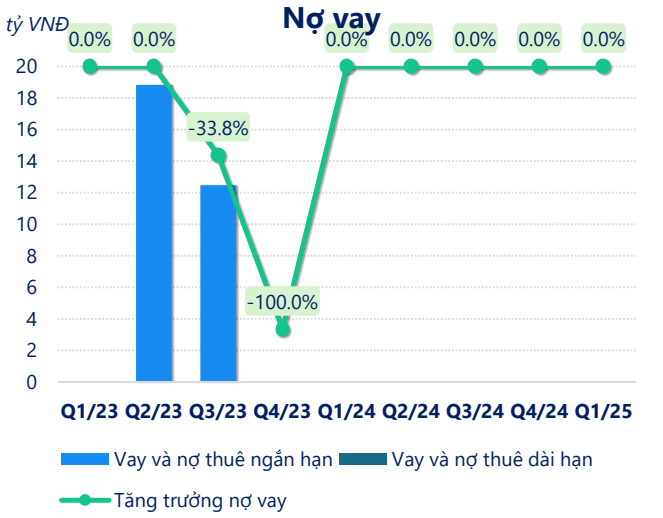
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



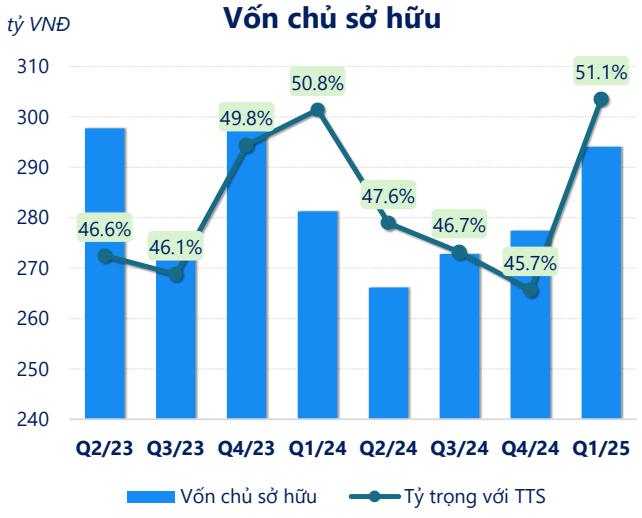
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



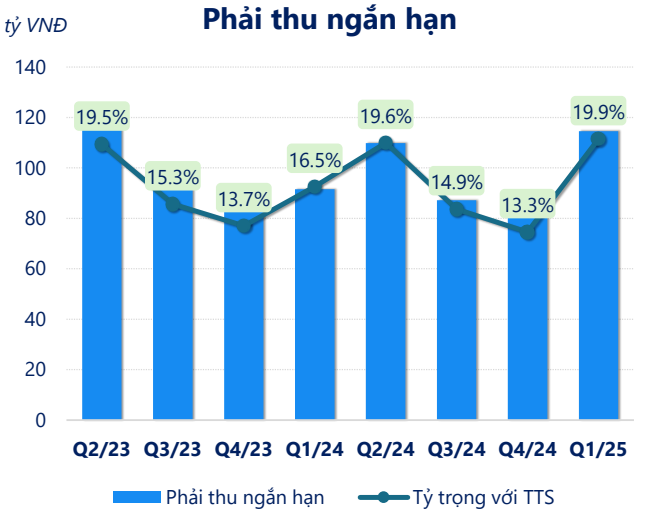
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



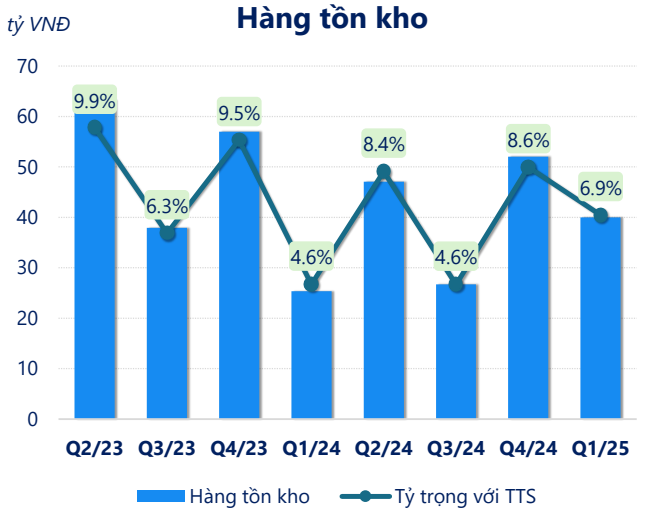
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



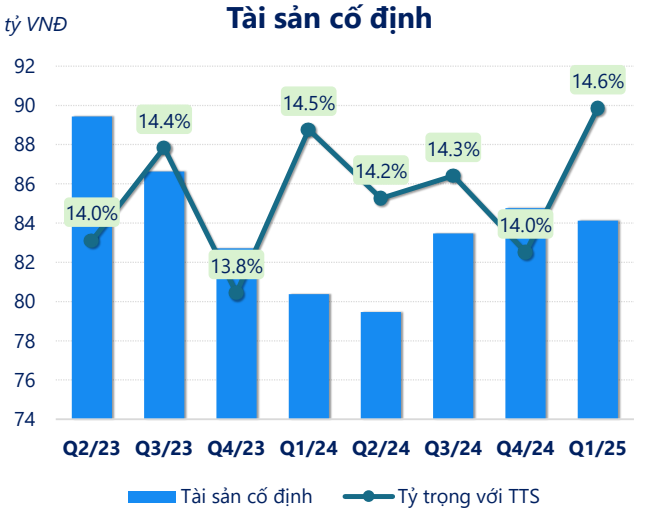
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



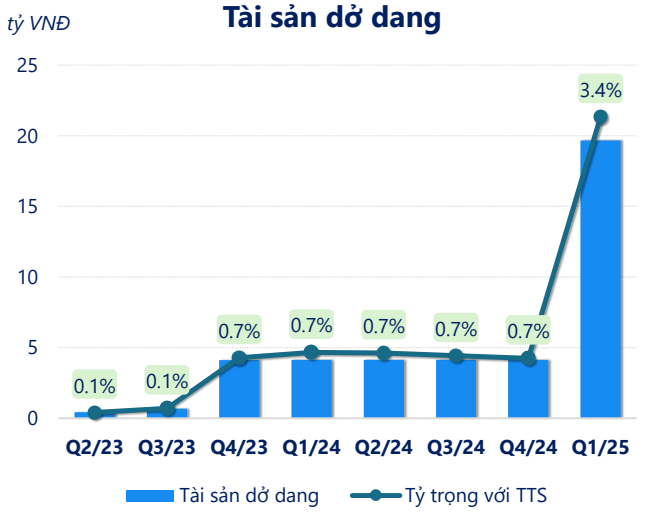
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



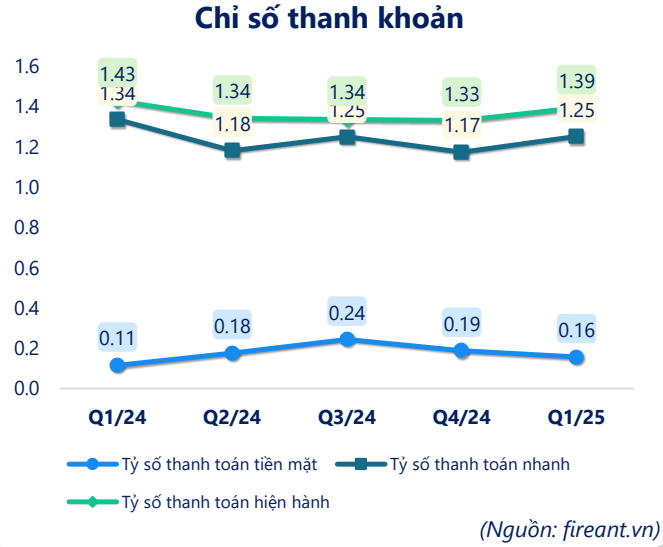
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



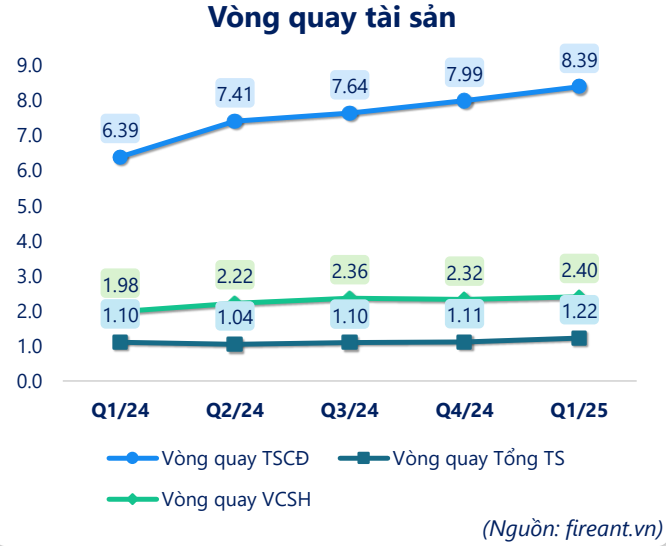
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**554**	**560**	**584**	**607**	**576**
Tài sản ngắn hạn	**390**	**394**	**416**	**439**	**393**
Tiền và tương đương tiền	31.3	51.8	75.7	62.0	44.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	236	180	218	240	184
Phải thu ngắn hạn	91.6	110	87.2	80.9	115
Hàng tồn kho	25.3	47.1	26.7	52.0	40.0
Tài sản ngắn hạn khác	5.08	4.57	7.76	4.80	10.3
Tài sản dài hạn	**164**	**166**	**168**	**168**	**183**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	80.4	79.5	83.5	84.8	84.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.13	4.13	4.13	4.13	19.7
Đầu tư tài chính dài hạn	70.8	70.8	70.8	70.8	70.8
Tài sản dài hạn khác	9.04	11.4	9.66	8.34	8.52
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**273**	**293**	**311**	**330**	**282**
Nợ ngắn hạn	**273**	**293**	**311**	**330**	**282**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	29.6	31.6	38.2	32.5	37.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**281**	**266**	**273**	**277**	**294**
Vốn chủ sở hữu	**281**	**266**	**273**	**277**	**294**
Vốn điều lệ	195	195	195	195	195
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)